

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 342/2019/DS-PT

Ngày: 10/10/2019

V/v “Tranh chấp QSDĐ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

Các Thẩm phán:

Ông Ngô Tấn Lợi

Ông Huỳnh Thanh Tấn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thanh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:* Bà Nguyễn Bạch Nga - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10/10/2019 tại Trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 359/2019/TLPT- DS ngày 15 tháng 8 năm 2019 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 35/2018/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 328/2019/QĐ-PT ngày 27 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *N đơn:* Anh Phan Thanh H (Điền), sinh năm 1984; địa chỉ: Số A, ấp A, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn S, sinh năm 1961; địa chỉ: Số A, ấp A, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Chị Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1984; địa chỉ: Số A, ấp A, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị Bé Tư: Anh Phan Thanh H, sinh năm 1984; địa chỉ: Số A, ấp A, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền của chị T (văn bản ủy quyền ngày 12/4/2018) (có mặt).

3.2. Bà Trần Thị P, sinh năm 1961;

Người đại diện hợp pháp của bà P: Anh Trần Văn N, sinh năm: 1991 là người đại diện theo uỷ quyền của bà P (theo văn bản uỷ quyền ngày 30/5/2018)

3.3. Anh Trần Văn N, sinh năm 1991;

3.4. Anh Trần Văn V, sinh năm 1996;

3.5. Anh Trần Minh M, sinh năm 1998;

3.6. Chị Phạm Thị Như Ý, sinh năm 1990;

Cùng địa chỉ: Số A, ấp A, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

3.7. Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò.

- Người kháng cáo: Ông Trần Văn S là bị đơn trong vụ án.

(Anh H, ông S, anh N có mặt; UBND huyện Lấp Vò có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

N đơn Phan Thanh H trình bày: Anh có đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 840, tờ bản đồ số 16 với diện tích là 2.724,8m² (do đặc thực tế chỉ còn lại 2.608m²). Nguồn thửa đất trên là do anh H nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Bê và bà Nguyễn Thị Em vào năm 2015. Trước khi nhận chuyển nhượng đất thì anh H có nhận cổ đất của ông Bê thời hạn là 03 năm. Khi anh H nhận chuyển nhượng đất của ông Bê là chuyển nhượng hết thửa đất nên khi thoả thuận viết tay và giao tiền thì giữa ông Bê và anh H không có đo đạc. Lúc anh H cổ đất của ông Bê sau đó nhận chuyển nhượng luôn thửa đất từ ông Bê thì anh H cũng biết phần bờ tre là của ông S sử dụng.

Khi ông Bê, bà Em giao nhà và đất luôn cho anh H để chuyển nhà đi nơi khác ở thì giữa anh H với anh Phong và anh Bình là con của ông Bê cùng cha anh H là ông Phan Văn Hân và ông S tiến hành đóng trụ đá và anh H đã đóng trụ đá tại mốc M2 và mốc M4 theo sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp ngày 23/3/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký QSDĐ huyện Lấp Vò. Việc anh H cắm hai trụ đá này nhằm mục đích là để xác định phần đất của anh mua của ông Bê và bà Em với mí lộ đất. Đồng thời, mốc M4 là để xác định phần ranh xuôi giữa thửa đất 840 và thửa đất 449 của ông S. Vì lúc giao đất thì Nhà nước đang làm đường có mức đất sinh dưới sông lên nên đất sinh xuôi xuống tới chỗ mà anh đã trồng trụ đá nên nghĩ con lộ sẽ đến đó. Hơn nữa, khi làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên bản đồ giải thửa cũng thể hiện phía Bắc của thửa đất của ông Bê là giáp với đường đất chứ không phải là giáp với đất của ông Trần Văn S, việc ông S trồng tre là trồng cặp lộ đất nên anh H nghĩ ông S trồng tre cặp lộ là thuộc quản lý của Nhà nước.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò cấp cho anh H vào ngày 23/7/2015 thì phần diện tích đất của anh H vẫn là 2.724,8m² và hướng Bắc giáp đường đất và sông chứ không phải là giáp đất

của ông Trần Văn S và phần đất theo đo đạc thực tế chỉ còn lại 2.608m² (thiếu 116,8m²). Phần diện tích đất 95m² đang tranh chấp trước khi xáng mức đất sinh lên chuối lấp thì anh trồng lúa, sau khi xáng mức làm đất chuối xuống không trồng lúa được thì để cỏ mọc cắt cỏ để nuôi bò. Vào năm 2016 anh cho người khác mượn để chất nấm rơm thì ông S không cho mà ông Sang cho rằng đó là đất của ông S nên hai bên xảy ra tranh chấp.

Nay anh Phan Thanh H yêu cầu ông Trần Văn S trả lại cho anh H phần diện tích đất lấn chiếm là 95m² trong chu vi các mốc gồm Mốc M3, M4, M5 về mốc M3 thuộc một phần thửa đất 840, tờ bản đồ số 16 do anh Phan Thanh H đứng tên quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp Tân Thạnh, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn Trần Văn S trình bày: Ông đứng tên quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 449, tờ bản đồ số 16 diện tích là 6.489m² giáp ranh với thửa đất số 840, tờ bản đồ số 16 do anh Phan Thanh H đứng tên quyền sử dụng đất. Trong đó, có 95m² đất mà anh H đang tranh chấp là ông S mua của ông Trần Văn Chúc (đã chết) cách đây khoảng 30 năm. Sau khi nhận chuyển nhượng thì ông S có đào con mương ngang 03m tại phần đất mà hiện nay anh H đang tranh chấp để dẫn nước tưới tiêu vào ruộng và rút nước ra, còn trên bờ thì trồng tre. Sau nay ông S để tập đoàn sử dụng con mương để dẫn nước tưới tiêu vào ruộng và rút nước chung cho những hộ làm ruộng xung quanh. Sau đó xáng mức để làm đường 03 lần làm đất chuối xuống mương nên mương bị lấp cạn nên không sử dụng được nữa.

Sau khi anh H nhận chuyển nhượng đất của ông Bê và bà Em thì anh H có trồng trụ đá để xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa ông S với đất mà anh H mua của ông Bê (đó là mốc M2 và mốc M4 theo sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp ngày 23/3/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký QSDĐ huyện Lấp Vò), khi cắm trụ đá có mặt anh Phong, Bình là con của ông Bê, anh H (Điền) và ông S nên ông S mới ký tên xác nhận ranh để anh H làm giấy. Ông S thừa nhận bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất lập ngày 12/5/2015 ông S có ký tên vào biên bản nh ông ký vì nghĩ phần ranh đất giữa ông S với anh H là từ mốc M2 đến mốc M4 như trụ đá mà anh H đã trồng .

Phần đất 95m² mà anh H đang tranh chấp với ông S sau khi mương bị lấp thì không ai sử dụng nh do giáp với đất của anh H nên khi anh H trồng cỏ để nuôi bò nhiều năm nên cỏ bò lấn vô chứ anh H cũng không sử dụng. Đất này là thuộc phần đất của thửa số 449 mà ông S đã mua của ông Chúc nh do sơ suất nên khi Ủy ban cấp giấy ông không để ý nên không biết là Ủy ban không cấp giấy chứng nhận đối với phần diện tích đất này vào trong thửa 449 mà lại cấp cho thửa 840 của anh H. Nay ông S không đồng ý trả lại diện tích đất 95m² theo yêu cầu của anh H.

- Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, anh Trần Văn N đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Phượng trình bày: Anh N là con của ông Trần Văn S và bà Trần Thị Phượng thống nhất với ý kiến trình bày của ông S không bổ sung gì thêm.

- Tại đơn xin vắng mặt đề ngày 15 tháng 5 năm 2018 anh Trần Văn Mẫn trình bày: Do anh đi làm ăn xa không tới Toà án để giải quyết vụ kiện được nên anh xin vắng mặt. Mọi ý kiến của anh liên quan đến vụ án anh giao lại cho ông Trần Văn S quyết định.

- Tại đơn xin vắng mặt đề ngày 24 tháng 5 năm 2018, chị Phạm Thị Như Ý trình bày: Chị bận đi làm ăn xa nên không thể có mặt tại toà tham gia vụ án được nên chị xin vắng mặt tại Toà án. Mọi ý kiến và quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án xin giao toàn quyền cho ông Trần Văn S.

- Tại đơn xin vắng mặt đề ngày 21 tháng 02 năm 2019, anh Trần Văn Vện trình bày: Do anh Vện đang đi học xa nên không thể có mặt tại Toà án được nên xin vắng mặt tại Toà án. Mọi quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, anh Vện giao cho cha là ông Trần Văn S quyết định.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Bé Tư do anh Phan Thanh H đại diện trình bày: Thống nhất như lời trình bày của anh H ở trên, không bổ sung gì thêm.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò không có văn bản trình bày ý kiến và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng là ông Nguyễn Văn K trình bày: Phần đất mà anh H tranh chấp với ông S, ông Kiệt chỉ biết ranh giới giữa hai thửa đất là con mương lạng và con mương này có trước khi ông S mua đất của ông Chúc.

- Người làm chứng là ông Huỳnh Phú T trình bày: Khi anh H làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất số 840 từ ông Bê qua cho anh H thì con của ông Bê là anh Nguyễn Thanh Phong có gọi anh Trường lại để xác định ranh đất giữa thửa đất của ông Bê với thửa đất của anh Trường đang sử dụng là trụ đá có sẵn. Khi tiến hành xác định ranh có mặt anh Trường, ông Hân, bà Em, ông S, anh Bình và anh Phong, các bên đã thống nhất ranh giới xong. Theo đó phần giáp ranh giữa ông Trường và ông Hồng đã có trụ đá có sẵn còn phần đất giáp với ông S thì chưa có trụ đá nên giữa ông S và anh H đã thống nhất cắm trụ đá để xác định ranh và trụ đá thì do anh H là người trực tiếp cắm.

- Người làm chứng là ông Nguyễn Ngọc H trình bày: Ông là người sử dụng phần đất giáp ranh với phần đất của anh H. Phần đất tranh chấp giữa anh H và ông S từ trước đến nay có con mương lạng là phần đất hiện nay đang tranh chấp từ trước đến nay do ông S sử dụng.

- Người làm chứng là ông Lê Văn L trình bày: Ông là tổ trưởng tổ hợp tác phụ trách khu vực đê bao ấp Tân Thạnh, ông đã làm đê bao tại đây khoảng hơn 20 năm nay. Phần đất mà anh H tranh chấp với ông S thì ông không biết ranh giới quyền sử dụng đất giữa hai bên nH ông biết là đất của ông S có bờ tre ông S trồng và sử dụng rất lâu và cặp bờ tre có con mương lạng nH không biết ai đào nH để sử dụng chung giữa ông Bê và ông S, ông Lâm cũng đặt máy bơm để bơm nước vào đê bao, sau này xáng mức đất từ kinh lên nên mương bị bồi lấp hiện không còn.

- Người làm chứng bà Nguyễn Thị E trình bày: Bà Em là chủ đất cũ trước khi chuyển nhượng thửa 840 cho anh H. Khi vợ chồng bà Em chuyển nhượng đất cho anh H thì hai bên thoả thuận chuyển nhượng hết thửa đất theo Nhà nước cấp giấy. Con mương lạng hiện nay anh H đang tranh chấp gia đình bà với ông S sử dụng chung. Hàng tre là do ông S trồng và sử dụng. Khi đo đạc chuyển nhượng đất cho anh H thì bà Em không có mặt để chỉ ranh.

Tại quyết định của bản án sơ thẩm số 35/2019/DS-ST ngày 22/5/2019, Toà án nhân dân huyện Lấp Vò đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Thanh H.

Buộc ông Trần Văn S và những người trong hộ của ông S gồm bà Trần Thị P, anh Trần Văn N, anh Trần Văn V, anh Trần Minh M và chị Phạm Thị Như Ý có nghĩa vụ trả lại cho anh Phan Thanh H diện tích đất là 95m² trong chu vi các mốc M3, M4, M5 về M3, thuộc một phần thửa đất 840, tờ bản đồ số 16 do anh Phan Thanh H đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp a, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc đề ngày 23/3/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò; biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 31/01/2018)

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn S, bà Trần Thị P, anh Trần Văn N, anh Trần Văn V, anh Trần Minh M và chị Phạm Thị Như Ý liên đới nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 475.000đ (Bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Anh Phan Thanh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh Phan Thanh H số tiền tạm ứng án phí mà anh H đã nộp là 495.000đ theo biên lai số 02146, ngày 20/12/2017 tại Chi cục thi hành án huyện Lấp Vò.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Trần Văn S, bà Trần Thị P, anh Trần Văn N, anh Trần Văn V, anh Trần Minh M và chị Phạm Thị Như Ý phải liên đới nộp số tiền 5.077.000đ (Năm triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) để trả lại cho anh Phan Thanh H.

- Các đương sự khác trong vụ án không phải chịu án phí sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm;

- Ngày 31/5/2019, Ông Nguyễn Văn S kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông S vẫn giữ N yêu cầu kháng cáo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn S, Hội đồng xét xử xét thấy:

Phần diện tích đất tranh chấp diện tích là $95m^2$, anh H cho rằng phần đất này thuộc một phần của thửa đất số 840, tờ bản đồ số 16 của ông, do anh nhận chuyển nhượng của ông Bê, bà Em vào năm 2015, ông S thì cho rằng diện tích đất này thuộc thửa đất số 449 của ông do ông nhận chuyển nhượng của ông Chúc do sơ suất khi UBND huyện Lập Vò cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông không biết là phần diện tích đất này không được ghi nhận trong thửa 449 gia đình ông vẫn sử dụng trồng tre và làm nương thuỷ lợi từ khi nhận chuyển nhượng cho đến nay.

Xét thấy, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trích lục bản đồ địa chính đối với thửa số 840 của anh H có hướng Đông giáp thửa 449 của ông Trần Văn S, hướng Tây giáp thửa 786, hướng Nam giáp thửa 426 và hướng Bắc giáp đường đất. Còn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trích lục bản đồ địa chính đối với thửa số 449 của ông S thì có hướng Đông giáp thửa 453 và đường đất, hướng Tây giáp thửa 840 của anh Phan Thanh H, hướng Nam giáp thửa 462 và thửa 505 và hướng Bắc giáp đường đất. Và theo sơ đồ hiện trạng tranh chấp thì diện tích đất tranh chấp $95m^2$, trong phạm vi các mốc M3-M4-M5-M3, là thuộc thửa 840 của anh H tại hướng Bắc và giáp với đường đất, chứ không thuộc thửa 449 của ông S.

Tại công văn số 143/UBND-NC ngày 17/8/2018, UBND huyện Lập Vò cũng xác định khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 840 với diện tích $2.724,8m^2$ cho anh H thì Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lập Vò có tiến hành đo đạc thực tế; tại thời điểm đó không có ai phát sinh tranh chấp, đồng thời các mốc giới, kích thước thửa đất được thể hiện theo trích lục bản đồ là đều được thực hiện theo sự ý chí và xác định ranh giữa các hộ đất liền kề với nhau, trong đó có phía ông S.

Ngoài ra, căn cứ vào diện tích đo đạc thực tế phần đất của anh H không tính diện tích tranh chấp thì còn thiếu hơn diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là $116,8m^2$, so với phần diện tích đất tranh chấp $95m^2$ cũng là phù hợp.

Đối với thửa đất số 449 của ông S thì căn cứ vào trích lục bản đồ địa chính chỉ giáp ranh với thửa 840 của anh H bằng cạnh thẳng từ phía sau ra đến giáp lộ đất, nên không có căn cứ để xác định phần diện tích đất tranh chấp là thuộc thửa 449 của ông. Còn việc ông S trình bày do ông sơ suất không để ý đến kết quả cấp quyền sử dụng đất của UBND huyện Lập Vò đã không ghi nhận diện tích đất này vào thửa 449 của ông là không có cơ sở.

Tại cấp sơ thẩm, ông S cũng thừa nhận từ trước đến nay ông không có đi đăng ký kê khai đối phần diện tích đất tranh chấp. Sau hai lần làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lần đầu vào năm 2000 và cấp đổi vào năm 2011 thì

phần diện tích đất đang tranh chấp cũng không được UBND huyện thể hiện trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông không có khiếu nại. Ông S cũng thừa nhận khi Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Lập Vò làm thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh H thì ông S có ký tên vào bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất lập ngày 12/5/2015 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Lập Vò. Nhưng ông S cho rằng ông ký tên là để xác nhận phần đất của ông với phần đất của anh H là tại mốc M4 và mốc M2 chứ không nghĩ là Ủy ban nhân dân huyện lại cấp cho anh H tới hàng tre của ông trồng. Ông cho rằng phần đất là con mương mà anh H tranh chấp sau khi làm đường con mương bị lấp thì gia đình ông không còn sử dụng nhưng vẫn là đất của gia đình ông S, những lời trình bày này, ông S không có gì để chứng minh.

Do đó, có đủ căn cứ xác định phần diện tích đất 95m² trong phạm vi các mốc M3-M4-M5-M3 là thuộc thửa số 840 và thuộc quyền sử dụng hợp pháp của anh H. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông S, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông S cũng không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông S phải chịu án phí phúc thẩm.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự và Điều 100, Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật đất đai;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn S.
- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 35/2019 ngày 22/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lập Vò.
- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Thanh H.

Buộc hộ của bị đơn Trần Văn S, Trần Thị Phụng, Trần Văn N, Trần Văn Vẹn, Trần Minh Mẫn, Phạm Thị Như Ý (gọi tắt là hộ ông A) phải giao cho N đơn diện tích đất 95m² trong phạm vi các mốc M3, M4, M5 trở về mốc M3, thuộc một phần thửa 840, tờ bản đồ số 16, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh Phan Thanh H vào ngày 23/7/2015 đất tọa lạc tại ấp Tân Thạnh, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

(Kèm biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 31/01/2018; sơ đồ đo đạc ngày 23/3/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò).

Các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại quyền sử dụng đất và đăng ký QSDĐ theo quy định của pháp luật.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Trần Văn S, bà Trần Thị Phụng, anh Trần Văn N, anh Trần Văn Vẹn, anh Trần Minh Mẫn và chị Phạm Thị Như Ý liên đới nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 475.000đ (Bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

+ Anh Phan Thanh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh Phan Thanh H số tiền tạm ứng án phí mà anh H đã nộp là 495.000đ theo biên lai số 02146, ngày 20/12/2017 tại Chi cục thi hành án huyện Lấp Vò.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Trần Văn S, bà Trần Thị Phụng, anh Trần Văn N, anh Trần Văn Vẹn, anh Trần Minh Mẫn và chị Phạm Thị Như Ý phải liên đới nộp số tiền 5.077.000đ (Năm triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) để trả lại cho anh Phan Thanh H.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn S phải chịu 300.000 đồng, nH được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0002914 ngày 04/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò. Ông S đã nộp xong án phí phúc thẩm.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GD & KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Lấp Vò;
- Chi cục THADS huyện Lấp Vò;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

